

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-PT

Ngày: 20-4-2018

V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N1**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán:

Ông Phạm Đình Thi

Bà Nguyễn Thị Nhiên

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Viên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 01/2018/TLPT-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018 về việc xin ly hôn.

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 79/2017/DS-ST ngày 13 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2017/QĐ-PT ngày 02 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Bích N, sinh năm 1993 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã D, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Mã Hoàng N1, sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: Tổ 10, khu phố 7, thị trấn Đ, huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh Mã Hoàng N1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Phạm Bích N trình bày: Chị và anh N1 tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào năm 2013. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian về sau thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng

bất đồng ý kiến trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã dẫn đến không còn tình cảm. Anh N1 có nhiều lần đánh đập, hành hung chị. Do xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc và không thể nào hàn gắn được nên chị xin được ly hôn với anh N1.

Về con chung: Trong thời gian chung sống anh chị có một con chung là cháu Mã Ngọc H, sinh ngày 21/3/2014. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Mã Hoàng N1 trình bày: Anh thống nhất lời trình bày của chị N về quan hệ hôn nhân và con chung. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đồng ý ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh cho rằng chị N không có khả năng nuôi con nên anh yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 79/2017/HNGĐ-ST ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Bích N với anh Mã Hoàng N1.

- Về con chung: Giao con chung tên Mã Ngọc H, sinh ngày 21/3/2014 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh N1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N.

Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Trên cơ sở lợi ích của con, chị N, anh N1 có quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/12/2017, anh Mã Hoàng N1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, anh yêu cầu giao con chung là cháu Mã Ngọc H cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Tại Đơn xin xét xử vắng mặt ngày 04/3/2018 chị N có yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm, giao cho chị được quyền nuôi dưỡng con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh N1 giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Kiểm sát viên kết luận: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh N1; Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Bích N có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị.

[2] Đối với phần quyết định của bản án sơ thẩm về việc ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh N1 không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm nên có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại khoản 2 Điều 282 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét kháng cáo của anh N1 về việc yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Mã Ngọc H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Về mối quan hệ tình cảm thì không thể đánh giá, nhận định cha hay mẹ là bên có tình cảm có thiện chí nhiều hơn để giao con cho bên đó nuôi dưỡng. Do đó cần xem xét đánh giá toàn diện mọi mặt để đảm bảo cháu H nhận được sự phát triển tốt nhất về thể chất và tinh thần.

Về điều kiện kinh tế của chị H là ổn định, mức thu nhập đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con. Đối với anh N1, tại cấp phúc thẩm anh cung cấp Hợp đồng lao động của công ty cổ phần xây dựng P để chứng minh anh có công việc và thu nhập ổn định. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay anh thừa nhận đây là hợp đồng lao động thời vụ và đối với công việc làm thợ bê thì anh phải đi theo công trình ở nhiều nơi theo sự phân công của công ty. Do đó không có mức độ ổn định và anh không có thời gian để là người trực tiếp chăm sóc con.

Tại phiên tòa hôm nay, anh N1 trình bày hiện tại công việc của anh là hợp đồng lái taxi cho công ty M, xe ô tô anh sử dụng là của cha mẹ anh. Tuy nhiên anh không cung cấp được hợp đồng lao động hay chứng cứ nào khác để chứng minh thu nhập.

Mặc dù từ khi sống ly thân cho đến nay thì cháu H ở với anh N1, nhưng về phía chị N vẫn có sự quan tâm, thăm nuôi và luôn có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Xét thấy cháu H còn rất nhỏ, lại là bé gái nên rất cần sự chăm sóc, nuôi dưỡng của người mẹ để phát triển ổn định về tâm sinh lý. Do đó việc Tòa án cấp sơ thẩm giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu H.

Do hiện tại cháu H đang ở với anh N1 nên cần buộc anh N1 có nghĩa vụ giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Từ những phân tích và đánh giá nêu trên, qua thảo luận nghị án Hội đồng xét xử quyết định không chấp nhận kháng cáo của anh N1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Q.

[11] Về án phí phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của anh N1 nên anh phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/NQ-HĐTP ngày 30/12/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Mã Hoàng N1.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 79/2017/HNGĐ-ST ngày 13/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích N.

1- Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Bích N với anh Mã Hoàng N1.

2- Về con chung: Giao con chung tên Mã Ngọc H, sinh ngày 21/3/2014 cho chị Phạm Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị N không yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con.

Buộc anh N1 phải có nghĩa vụ giao cháu Mã Ngọc H, sinh ngày 21/3/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh N1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

3- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Buộc chị Phạm Bích N nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị N đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006185 ngày 31/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí phúc thẩm: Buộc anh Mã Hoàng N1 phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm anh N1 đã nộp theo biên

lai thu tiền số 0002836 ngày 04/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND huyện Q;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Chi Cục THADS huyện Q;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán

Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Đình Thi

Nguyễn Thị Nhiên

Lê Lâm Sơn